

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO 4T GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO 4T GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 4T GROUP COMMUNICATION AND ADVERTISING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 4T GROUP., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110175193

**3. Ngày thành lập:** 08/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

17B - Ngõ 442/15 Vĩnh Hưng, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986029111

Fax:

Email: 4tgroup.vn@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                         | 4651     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                          | 4652     |
| 3.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Loại trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                             | 8230     |
| 4.  | Giáo dục thể thao và giải trí<br>(Trừ vũ trường)                                                                                                                                                                                                            | 8551     |
| 5.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>Chi tiết: Dạy nghệ thuật biểu diễn; Dạy nhiếp ảnh (trừ hoạt động mang tính thương mại)                                                                                                                                       | 8552     |
| 6.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy máy tính; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng                                                                                                                                                        | 8559     |
| 7.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: -Tư vấn giáo dục, -Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, -Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, -Dịch vụ kiểm tra giáo dục, -Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                    | 8560     |
| 8.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 9000     |
| 9.  | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br>(Trừ hoạt động của các sàn nhảy)                                                                                                                                                                                        | 9311     |
| 10. | Hoạt động thể thao khác                                                                                                                                                                                                                                     | 9319     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề<br>(Trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)                                                                                  | 9321        |
| 12. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                      | 6201        |
| 13. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                        | 6202        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                            | 6209        |
| 15. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                  | 6311        |
| 16. | Cổng thông tin<br>(Trừ thông tin nhà nước cấm, không bao gồm hoạt động báo trí)                                                                                                                                                                                            | 6312        |
| 17. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)                                                                                                                                                                                  | 6399        |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                                     | 7020        |
| 19. | Quảng cáo<br>(trừ các hoạt động tại điều 7 luật quảng cáo)                                                                                                                                                                                                                 | 7310(Chính) |
| 20. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                      | 7320        |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                             | 7410        |
| 22. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                        | 7420        |
| 23. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                                                                                         | 7490        |
| 24. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                     | 7710        |
| 25. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1811        |
| 26. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                   | 1812        |
| 27. | Sao chép bản ghi các loại<br>(loại trừ ghi âm dùng ngẫu trang)                                                                                                                                                                                                             | 1820        |
| 28. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                             | 2630        |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(loại trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                              | 4791        |
| 30. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ phát sóng, sản xuất phim và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 5911        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Hoạt động hậu kỳ<br>(Trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                                                                                                                                                     | 5912 |
| 32. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5914 |
| 33. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(loại trừ ghi âm dùng ngay trang, kinh doanh karaoke)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5920 |
| 34. | Hoạt động viễn thông khác<br>(Trừ bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6190 |
| 35. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7721 |
| 36. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7722 |
| 37. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển; Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu. | 7730 |
| 38. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8211 |
| 39. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8219 |
| 40. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4741 |
| 41. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4742 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                    | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐÀO VŨ<br>THẮNG    | Số 8A, Trung<br>Kính, Phường<br>Trung Hoà, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 20,000       | 0300940070<br>70                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                       | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHẠM TRỌNG<br>HÙNG | Phòng 1010, CT5,<br>ĐN3, KĐT Mỹ<br>Đình 2, Phường<br>Mỹ Đình 2, Quận<br>Nam Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 20,000       | 0360880080<br>64                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                       | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                                                   |                           |        |             |        |                  |
|---|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | LÊ VĂN TÚ         | Số nhà 12 Ngõ 167 Ngõ Xuân Quảng, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 | 0380890034<br>34 |
|   |                   |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                   | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 |                  |
|   |                   |                                                                                                                   |                           |        |             |        |                  |
|   |                   |                                                                                                                   |                           |        |             |        |                  |
| 4 | NGUYỄN ĐÌNH THẮNG | 138 Cù Chính Lan, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                                  | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 | 142795519        |
|   |                   |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                   | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 |                  |
|   |                   |                                                                                                                   |                           |        |             |        |                  |
|   |                   |                                                                                                                   |                           |        |             |        |                  |
| 5 | NGUYỄN TUẤN ANH   | Phòng 2808 Tòa A, chung cư Parkhome, Số 1 Thành Thái, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 | 0010940315<br>77 |
|   |                   |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                   | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 |                  |
|   |                   |                                                                                                                   |                           |        |             |        |                  |
|   |                   |                                                                                                                   |                           |        |             |        |                  |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO VŨ THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/09/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030094007070

Ngày cấp: 17/04/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 287 Điện Biên Phủ, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 8A, Trung Kính, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội